

BÀI 4: CÔ GIÓ (tiết 15 – 20, SHS, tr.37 – 41)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được về lợi ích của gió đối với người và vật; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Ai cũng yêu quý cô gió vì cô luôn đi khắp đó đây để làm những việc có ích*; biết liên hệ bản thân: *yêu mến cuộc sống, luôn vui tươi, làm việc có ích*.
3. Nghe – viết đúng đoạn thơ; phân biệt *ai/ay*.
4. Mở rộng được vốn từ về trẻ em (từ ngữ chỉ phẩm chất); đặt được câu với từ ngữ tìm được.
5. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Chuyện ở phố Cây Xanh* theo tranh và câu gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Đặt được tên cho bức tranh em chọn.
7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về trẻ em.
8. Thực hiện được trò chơi *Gió thổi* để nói về những đặc điểm riêng/ nét đáng yêu của các bạn trong lớp.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Một số chong chóng nhiều màu sắc (nếu có) để tổ chức hoạt động khởi động.
- Đoạn viết từ *Cô không có hình dáng đến không bao giờ nghỉ* để hướng dẫn luyện đọc.
- Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Chuyện ở phố Cây Xanh* (nếu có).
- Thẻ từ (hoặc thẻ hoa, lá như SHS (tr.39) ghi sẵn các tiếng ở BT 3 để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp bức tranh em thích, truyện về thiếu nhi đã đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về lợi ích của gió đối với người và vật. Một vài HS cầm chong chóng chạy và trả lời câu hỏi: *Nhờ đâu chong chóng quay được?*
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi, điểm đáng yêu của nhân vật,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cô gió*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động của cô gió. Câu cảm đọc giọng ngạc nhiên, vui vẻ; lời hát của cô gió đọc vui, nhẹ nhàng.).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *miền đất, hình dáng, quay, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Vì tình cô hay giúp người / nên ai cũng yêu cô. //; Hình dáng của cô / là ở những việc có ích / mà cô làm cho người khác. //; ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *khô hạn* (khô, không có nước), *dáng hình* (hình của một vật làm thành vẽ riêng bên ngoài của nó),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Ai cũng yêu quý cô gió vì cô luôn đi khắp đó đây để làm những việc có ích.*

– HS liên hệ bản thân: *yêu mến cuộc sống, luôn vui tươi, làm việc có ích.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Cô không có hình dáng đến không bao giờ nghỉ.*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn *Cô không có hình dáng đến không bao giờ nghỉ.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn thơ, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn thơ: *Điều gì chờ đón những người dậy sớm?*

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *bước, vầng đông, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dậy*.

- HS nhìn nghe GV đọc từng dòng thơ để viết vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, nghe GV đọc lại bài viết, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn nhận xét bài viết.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ai/ay

- HS đọc yêu cầu BT và đọc lại bài viết.
- HS tìm trong bài viết các tiếng có vần *ai* hoặc vần *ay* và chia sẻ trong nhóm nhỏ.
- HS so sánh vần *ai* và vần *ay*.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt ai/ay

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS quan sát tranh, nói với bạn các từ ngữ chứa tiếng có vần *ai* hoặc vần *ay* phù hợp với hình. (Lưu ý: HS có thể đưa ra nhiều từ ngữ khác nhau, chỉ cần có đúng tiếng chứa vần cần tìm: cành mai/ nhành mai/ hoa mai/ mai vàng/ bông mai – quả vải/ trái vải/ chùm vải – bao tay/ găng tay/ tất tay – váy đầm/ váy dài)
- HS viết các từ ngữ tìm được vào VBT (Lưu ý: GV có thể cho HS đặt câu (nói) có từ ngữ chứa *ai/ây* đã tìm được).
- HS nghe bạn nhận xét và GV nhận xét bài làm.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát các tiếng trong bông hoa, cành lá.
- HS chọn tiếng trong bông hoa ghép được với tiếng trong cành lá để tạo thành từ ngữ.
- HS chơi tiếp sức để ghép các từ ngữ.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

- HS viết vào VBT 1 – 2 câu có chứa từ ngữ tìm được ở BT 3.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Nghe – kể)

CHUYỆN Ở PHỐ CÂY XANH

1. Dê con là một họa sĩ nổi tiếng, sống ở phố Cây Xanh. Dê con treo các ấm trà trong khu vườn của mình. Thấy khu vườn đẹp quá, cư dân xung quanh đều làm theo. Từ đó, phố Cây Xanh còn được gọi là *phố Ấm Trà*.

2. Khi hươu con chuyển đến phố Cây Xanh, cậu nhìn khắp phố rồi trang trí những ngôi sao cho khu vườn của mình. Cún con nhìn thấy bèn góp ý:

- Cậu làm không đúng rồi. Vườn nhà ở phố chúng ta chỉ treo ấm trà thôi.

Hươu con đáp:

- Minh biết, nhưng mình có ý tưởng riêng. Minh trang trí vườn theo cách mình yêu thích.

3. Trở về nhà sau cuộc nói chuyện với hươu con, cún con suy nghĩ mãi. Rồi cậu quyết định thay đổi cách trang trí khu vườn nhà mình. Cậu sơn hàng rào cho khu vườn bằng màu xanh mà cậu yêu thích.

4. Mọi người nhìn thấy hươu con và cún con làm liên thích thú về trang trí lại khu vườn theo sở thích của mình. Bây giờ, phố Cây Xanh có nhiều ngôi nhà có những khu vườn được trang trí khác nhau.

Theo Trần Linh Linh, Hà Giang dịch

5.1. Nghe GV kể chuyện *Chuyện ở phố Cây Xanh*

- HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.
- HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện.

5.2. Kể từng đoạn của câu chuyện

- HS quan sát tranh và câu gợi ý để kể lại từng đoạn, hai đoạn của câu chuyện trước lớp.

- HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)
- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích, giải thích lí do. Trao đổi về nội dung câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Đặt tên cho bức tranh

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát, đọc tên bức tranh, trả lời câu hỏi trong nhóm.
- Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nhận xét về cách đặt tên bức tranh.

6.2. Đặt tên cho bức tranh em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS nói với bạn về bức tranh của em:
 - + *Tranh vẽ gì?*
 - + *Người, vật trong tranh có gì đặc biệt?*
 - + *Em đặt tên bức tranh là gì?*
- HS viết tên tranh vào VBT.
- HS có thể dán tranh và tên vào *Góc sản phẩm* của lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài văn đã đọc về trẻ em

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn, tên tác giả, từ ngữ em thích,...

- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn, tác giả và từ ngữ em thích.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi *Gió thổi*

- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi trò chơi.
- HS chơi trò chơi ***Gió thổi*** để nói về đặc điểm riêng/ nét đáng yêu của các bạn trong lớp.

+ *Quản trò: Gió thổi! Gió thổi!*

+ *Cả lớp: Thổi gì? Thổi gì?*

+ *Quản trò: Gió thổi bay mái tóc bồng bênh của bạn Lam.*

(Các bạn đứng gần Lam hoặc Lam hát tung mái tóc của Lam.)

+ ...

- HS nêu cảm nghĩ sau khi chơi trò chơi hoặc nói về đặc điểm riêng hoặc nét đáng yêu của một bạn trong lớp mà em thích.